TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2019/HS-ST
Ngày 26/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Hải;

2. Ông Võ Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Trình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Thị L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981 tại huyện B, tỉnh Q. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: Thôn 5, xã H, huyện Q, tỉnh N; nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: H’re; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V, sinh năm 1946 (đã chết) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1948 (đã chết); bị cáo có chồng tên là Phạm Văn P, sinh năm 1978 và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. *Có mặt*.

- *Bị hại:* Chị Y, sinh năm 1994. *Vắng mặt.*
Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện K, tỉnh T.

- *Người phiên dịch:* Ông Đinh Văn Y; dân tộc: H’re; chức vụ: Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp Ban Dân tộc tỉnh Q. *Có mặt*.

Địa chỉ: Số 64 Phạm Văn Đ, thành phố Q, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Thị L và chị Y đều là người dân tộc H’re, cả hai cùng hành nghề cắt tóc và ở chung phòng trọ tại thôn 5, xã H, huyện Q, tỉnh N.

Khoảng 23 giờ ngày 27/4/2019, sau khi đi chơi thì bị cáo L và chị Y về lại phòng trọ của mình. Một lúc sau, khi đang ngồi trên ghế xếp để đếm tiền thì bị cáo L thấy chị Y cũng đang đếm tiền dưới sàn nhà nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Sau khi đếm tiền xong thì cả hai đều đi ngủ. Đến khoảng 01 giờ ngày 28/4/2019, bị cáo L thức dậy bật đèn pin điện thoại rồi từ trên ghế xếp xuống sàn nhà nơi chị Y nằm ngủ để tìm tiền nhằm mục đích trộm cắp. Bị cáo L phát hiện túi xách của chị Y để sát bên đầu nên lấy và kiểm tra bên trong có 3.000.000 (Ba triệu) đồng và 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng. Bị cáo L lấy hết số tài sản này cất giữ rồi đem túi xách của chị Y và túi xách của mình để trước cửa tiệm cắt tóc T của chị Y ở gần phòng trọ. Khi đi vào lại trong phòng trọ thì bị cáo L không khóa cổng và cửa phòng nhằm mục đích để cho chị Y nghĩ là có kẻ gian đột nhập vào trộm cắp tài sản.

Ngày 28/4/2019, chị Y đã làm đơn báo cáo gửi cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 15/5/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Quế Sơn xác định: 01 sợi dây chuyền bằng vàng tây 18K có trọng lượng 5,2 phân và 01 mặt dây chuyền hình chữ thập (gắn trên sợi dây chuyền) bằng vàng tây 18K có trọng lượng 1,1 phân. Tổng cộng trọng lượng vàng là 6,3 phân có giá trị 1.671.390 (Một triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm chín mươi) đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: Số tiền 4.400.000 (Bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng, trong đó: Số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng là của chị Y và số tiền 1.400.000 (Một triệu bốn trăm) đồng là của bị cáo Phạm Thị L; 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng tây 18K có trọng lượng 5,2 phân và 01 mặt dây chuyền hình chữ thập (gắn trên sợi dây chuyền) bằng vàng tây 18K có trọng lượng 1,1 phân; 01 (Một) túi xách có chất liệu bằng da, màu đỏ, có đính hạt nhựa màu bạc, kích thước 20x12x7cm, có quai đeo; 01 (Một) túi xách chất liệu da, màu trắng, kích thước 19x12x15cm, có quai đeo và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen.

Tại Bản cáo trạng số 41/CT-VKSQS ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng

xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Phạm Thị L mức án từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Thị L cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh N giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi xách có chất liệu bằng da, màu đỏ, có đính hạt nhựa màu bạc, kích thước 20x12x7cm, có quai đeo và 01 (một) túi xách chất liệu da, màu trắng, kích thước 19x12x15cm, có quai đeo.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo L nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo vì điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn, bị cáo phải lo mọi việc trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa vắng mặt bị hại - chị Y; Hội đồng xét xử xét thấy chị Y đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của chị Y không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị hại tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào khoảng 01 giờ ngày 28/4/2019, bị cáo Phạm Thị L đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng và 01 sợi dây chuyền bằng vàng có giá trị 1.671.390 (Một triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm chín mươi) đồng

của chị Y ở phòng trọ chung tại thôn 5, xã H, huyện Q, tỉnh N. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.671.390 (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm chín mươi) đồng.

Với hành vi nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Thị L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản cáo trạng số 41/CT-VKSQS ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo L là người có đầy đủ khả năng nhận thức việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do lười lao động và thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản là số tiền 3.000.000 đồng và 01 sợi dây chuyền bằng vàng, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.671.390 đồng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo L có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và tài sản trộm cắp đã được thu hồi giao trả lại cho người bị hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Bị cáo Phạm Thị L có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng mà để cho bị cáo có cơ hội cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của gia đình và địa phương.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, đến nay bị hại chị Y đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 4.400.000 (Bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng; 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng tây 18K có trọng lượng 5,2 phân và 01 mặt dây chuyền hình chữ thập (gắn trên sợi dây chuyền) bằng vàng tây 18K có trọng lượng 1,1 phân; trong đó: Số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng; 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng tây 18K có trọng lượng 5,2 phân và 01 mặt dây chuyền hình chữ thập (gắn trên sợi

dây chuyền) bằng vàng tây 18K có trọng lượng 1,1 phân là của chị Y và số tiền 1.400.000 (Một triệu bốn trăm) đồng là của bị cáo Phạm Thị L. Đến nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Sơn đã giao trả lại cho các chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 (Một) túi xách có chất liệu bằng da, màu đỏ, có đính hạt nhựa màu bạc, kích thước 20x12x7cm, có quai đeo và 01 (Một) túi xách chất liệu da, màu trắng, kích thước 19x12x15cm, có quai đeo không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen (Không có sim) của bị cáo L do đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 06 *(Sáu)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 *(Mười hai)* tháng kể từ ngày tuyên án (26/11/2019).

Giao bị cáo Phạm Thị L cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Xử:

Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen (Không có sim) của bị cáo Phạm Thị L.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) túi xách có chất liệu bằng da, màu đỏ, có đính hạt nhựa màu bạc, kích thước 20x12x7cm, có quai đeo và 01 (Một) túi xách chất liệu da, màu trắng, kích thước 19x12x15cm, có quai đeo.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 21/10/2019).

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2019). Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Văn phòng Công an huyện Quế Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quế Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phượng